

QUESTIONNAIRE FOR QDP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Panjabum Building
1270 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN-THỊ-TUỶ Sex: Phái W
2. Other Names
Họ, tên khác : C
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 06-04-1952 North Vietnam
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 337/5 Cồ-giang, Phú Nhuận Hồ Chí Minh City
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 337/5 Cồ-giang, Phú Nhuận
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : TAILOR

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Lê Văn-Trình</u>	<u>12-12-1946</u>	<u>Province Phu Khanh</u>	<u>M</u>	<u>M</u>	<u>Husband</u>
2. <u>Lê Cẩm Hòa</u>	<u>27-11-1973</u>	<u>Saigon City</u>	<u>M</u>	<u>M</u>	<u>Child</u>
3. <u>Lê Thị Ngọc Trang</u>	<u>01-07-1975</u>	<u>Saigon City</u>	<u>W</u>	<u>W</u>	<u>Child</u>
4. <u>Lê Nguyễn Linh Phương</u>	<u>12-02-1986</u>	<u>Saigon City</u>	<u>M</u>	<u>M</u>	<u>Child</u>
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	<u>Trần Tú Lăng,</u> <u>Trần Duy Nhật</u>	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: <u>Cousin</u>	
c. Address Địa-chỉ	<u>6 Horner City Lane</u> <u>Buena Vista 22015</u> <u>USA</u>	
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: <u>30-04-1975</u>	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: _____	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: _____	
c. Address Địa-chỉ	: _____	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	: <u>Nguyễn Văn Vàng</u>	<u>(Living)</u>
2. Mother Mẹ	: <u>Nguyễn Thị Nguyệt</u>	<u>(Living)</u>
3. Spouse Vợ/Chồng:	: <u>Lê Văn Trinh</u>	<u>Teacher</u>
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	_____	
5. Children Con cái:	(1) <u>Lê Cẩm Hòa</u>	
	(2) <u>Lê Thị Duyên Trang</u>	
	(3) <u>Lê Nguyễn Vĩnh Đức</u>	
	(4) _____	
	(5) _____	
	(6) _____	
	(7) _____	
	(8) _____	
	(9) _____	
6. Siblings Anh chị em:	(1) _____	
	(2) _____	
	(3) _____	
	(4) _____	
	(5) _____	
	(6) _____	
	(7) _____	
	(8) _____	
	(9) _____	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Lê Văn Tinh

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 6.1.1969 Đến 30.04.1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Personnel Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Presidency, Intelligence Main Office
Department 222

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Brigadier General Nguyễn Khắc Bình

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Việt-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LÊ VĂN TRINH
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 20-05-1975 Đến: 20-05-1984
3. Still in Reeducation?* Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không _____

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

- My Father-in-law was died in Vietnam Communist Prison
- My husband member of the Vietnam Central Administration of Human Rights Society holding the Chief of Student Branch & Chairman Pham Hai Bai Secretary general Thái Văn Ngọc (old senator.)
- Member of the Vietnam Central Administration of "Tense for Humans" chairman Pham Thanh Dân lawyer
- Advisor the Student of Sang on University

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

Febr 26, 1987

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Copies of birth Nguyễn Thị Tuyết
- Marriage certificates
- Copies of birth certificates Lê Văn Hòa
- Copies of birth certificates Lê Thị Huyền Trang
- Copies of birth certificates Lê Nguyễn Vĩnh Phúc
- Copies of release certificates Lê Văn Trinh

ODP-B - 6/84 - Photos Nguyễn Thị Tuyết - Lê Văn Hòa - Lê Thị Huyền Trang - Lê Nguyễn Vĩnh Phúc - Lê Văn Trinh

BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tằm

Số CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Hộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTQ, ban
hành theo công văn số
2363 ngày 27 tháng 11
năm 1972

		4							

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

CÔNG AN TỈNH	
ĐA TỈNH	
25	05
1984	

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành án văn, quyết định tha số 266 ngày 20 tháng 04 năm 1984

của HỘI NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ VĂN TRINH Sinh năm 19 46

Các tên gọi khác Lê Văn Trinh

Nơi sinh Phủ Khánh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 337/5 CBA giang phẩm nhân T/P HỒ
CHÍ MINH

Can tội Đã vượt biên phản bội

Bị bắt ngày 20/05/75 ; An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 337/5 CBA giang phẩm nhân T/P HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Đã xác định được vị trí học tập cải tạo không có
biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng .

Lao động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao
có chất lượng .

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .

Học tập : tham gia đủ nhân thức chuyên môn khả .
(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã : Nơi cư trú

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tay ngôn ngữ phải
Của Lê Văn Trinh

Đánh bìa số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lê Văn Trinh

Ngày 21 tháng 04 năm 19 84

P. Giám thị

Đại úy : TRINH ĐỨC TÍ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NAM PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

BIÊN-LAI KHAI-SANH SỐ 1704

QUẬN 39

(Phát cho không)

Tên, họ đứa nhỏ

Phạm Hữu Hoàng
Lê Cẩm Hoa

Trai hay gái

Nam

Sinh ngày

27

tháng

11

năm 19

73

Tại quận

Ba

(Saigon)

437

phố 45

Đường

Đai Bà Trưng

Con của

Lê

Van

Trinh

Và của

Nguyễn

Thi

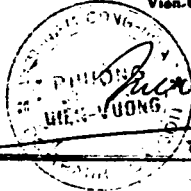
Truy

Đứa nhỏ mới sanh này phải đem đi trồng trái
trong TÁM ngày, để phòng ngừa bệnh hoạn.

Trồng trái ở các nhà thương công cộng hoặc
Chuẩn-Y-Viện Đô-Thành khỏi trả tiền chi cả.

Ghi vào bộ ngày 3 tháng 12 năm 1973

Viên-Chức Hộ-Tịch, 72



LƯU DẶN: Cha mẹ đứa nhỏ phải giữ giấy biên lai
này, hầu tiện việc sao lục khai sanh.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.

Quận ~~...~~

Phường (Xã) ~~...~~

BẢN SAO KHAI-SANH

Số hiệu: ~~476~~

Năm ~~1976~~

Lập ngày ~~31~~ tháng ~~12~~ năm 197 ~~6~~

Họ tên	LE THY THIEN THANH.
Trai hay gái	gái
Ngày, tháng, năm sanh	một tháng bảy năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm - 01/07/1975 tại Cần Thơ.
Nơi sanh	437 Kênh Lộ Trung - xã Cần Lộ.
Họ tên, quốc tịch cha	Lê Văn Trính g VN
Họ tên, quốc tịch mẹ	Nguyễn Thị Tý - VN
Cha mẹ có hôn thú không	đ

SAO LỤC

Thành phố HỒ CHÍ MINH, ngày ~~14~~ tháng ~~07~~ năm 197 ~~6~~

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



Signature

6 QUẬN

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Hội lập hiến: Hội lập

Hành chính: Ủy ban nhân dân Phường 2
Quận Phú Nhuận

ĐƠN XIN CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Cô: Tôn Lê Văn Trinh, sinh năm 1946 tại
Phước Khánh

Nghề nghiệp: Dạy học

Nghị tại số 337/5 Cống Giang, Phường 2, Quận Phú Nhuận

Vợ là Nguyễn Thị Quý sinh ngày 06.04.1952
tại Hưng Yên

Hiện ngụ tại số 337/5 Cống Giang, Phường 2, Quận Phú Nhuận

Con

1. Lê Cẩm Hoa sinh 27.11.1973 Saigon & năm 3

2. Lê Thị Huyền Trang sinh 01.07.1975 tại Thủ Đức, phố
Hố Chi Mưu, Quận 3.

Trần trọng kính xin Ủy ban Nhân dân Phường 2
chứng nhận cho tôi chứng chỉ sống chung từ lúc kết hôn
ở hiện tại hệ nhà.

Coi xin chân thành cảm ơn.

Phước Nhuận, ngày 5 tháng 10 năm 1984

Ký tên.

Khân chứng:

1. Nguyễn Văn Căn

Nghị tại P.2 Quận Phú Nhuận

Hiện ở Lê Văn Cống, Phường 2, Quận Phú Nhuận

Căn

2. Nguyễn Thị Chắt

Nghị tại P.2 Quận Phú Nhuận

Hiện ở Lê Văn Cống, Phường 2, Quận Phú Nhuận

Chứng chỉ Nguyễn Thị Quý

Trên

Lê Văn Trinh

Đã được chứng minh rõ ràng và đúng thực chất
hiện tại

P.2 Quận PN

Ngày 10/10/84

Đã được chứng minh rõ ràng và đúng thực chất



Mẫu HT3, P3

Thành phố, Tỉnh Đ.Đ.

Số 40
Quyền số 01/86

[illegible]

Họ và tên	Lê nguyên vĩnh phúc		Nam, nữ
Sinh ngày tháng, năm	mười hai, tháng hai, năm một chín tám sáu (12/2/1986)		
Nơi sinh	437 Hai bà Trưng		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê văn Trinh 1946	Nguyễn thị Túy 1952	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	giáo viên	thợ may	
Nơi ĐKNK thường trú	337/5 Gò giăng phường 2 phủ Nhượng (Tạm Trú)	phủ Nhượng	337/5 Gò giăng phường 2
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, sổ giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê văn Trinh		

NHÂN DÂN SÁO T. BAN CHINH
 3 năm 1986
 T.M. D. ký tên đóng dấu
 PHỔ VĂN PHÒNG
 Cộng Sản

BỘ TƯ-PHÁP

Số 2584/HG

SỞ TƯ-PHÁP NAM PHÂN

Ngày 22 tháng 01 năm 19 59 T.C.T

TOÀ HOÀ-GIẢI
SAIGON

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN-THỊ-TÚY

Năm một ngàn chín trăm 59 ngày 22 tháng 01 hồi 10 giờ
 Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN-VĂN-DOANH Chánh-án Toà Hoà-Giải
 Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự.
PHẠM-VĂN-MANH phụ-tá

ĐÁ TRÌNH DIỆN :

- 1.— O. Vũ-Cân
- 2.— O. Nguyễn-văn-Cần
- 3.— O. Đặng-văn-Liêu

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

- Nguyễn-thị-Túy (vũ)

Sanh ngày 06-4-1952 tại Viên-Tiêu, Tiên-Lữ, Hưng-Yên, con của
 Ông Nguyễn-văn-Vọng và Bà Ngô-thị-Nguyệt.

Và duyên cớ mà Ông Nguyễn-văn-Vọng không có thể xin sao-lục
 khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh
 này cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-dịnh ngày 17 tháng 11 năm 1947 của
 Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ
 Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến
 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 06 tháng 8 năm 19 65
 CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 5000

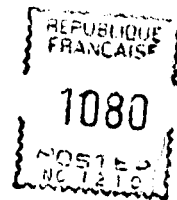


QUANG-NAM

Lettre

FEB 20 1987

LETTRE
PAR AVION





CROIX-ROUGE FRANÇAISE

17, RUE QUENTIN-BAUCHART
75384 PARIS CEDEX 08
TÉL. : 261.51.05

TELEX 613 161 F - CR PARIS
TÉLÉGRAMMES : CROIROUGE - PARIS
C.C.P. 3136-56 PARIS
Paris, le 12 février 1987

Référence à D.A.D.L./S.E.A.
rappeler : S.M./MC/318/87

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
P.O. Box 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
U.S.A.

BORDEREAU D'ENVOI

Désignation des pièces	Nbre	Observations
Nous vous prions de bien vouloir trouver sous ce pli le questionnaire que vous nous avez prié de faire remplir par Mme NGUYEN THI THUY.		Vous en souhaitant bonne réception veuillez recevoir, Messieurs, nos salutations distinguées. 

Saigon . 20 . 01 . 1987

Kính gửi: Hội Hồng Thập Tự Pháp .

Kính thưa Quý Hội .

Gia đình tôi rất vui mừng nhận được
thư của Quý Hội .

Nguồn hy vọng cuối cùng của gia đình
chỉ còn có Hội Hồng Thập Tự Pháp .

Gia đình tôi vô cùng cảm ơn Quý
Hội đã tận tình giúp đỡ .

Kính chúc Quý vị Lãnh Đạo Hội
Hồng Thập Tự Pháp khỏe mạnh .

Mong được tin tức

Nguyễn Thị Túy .

LEVAN TRINH

F

12-12-1946

Int Pres. Office

at
Key